

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/9/2022.

V/v “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL TỈNH TV

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công.

2. Ông Nguyễn Văn Xuôi.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Trần Thị Cẩm Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh TV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc: “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 254/2021/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Minh T, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LS, xã ĐM, huyện CL, tỉnh TV.

2. *Bị đơn:* bà Trần Thị X, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LS, xã ĐM, huyện CL, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2021, và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày: trước đây vào năm 1985 ông với bà Trần Thị X do mai mối quen biết sau đó dẫn đến cưới nhau, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung ông với bà Trần Thị X, có 03 đứa con chung nay đã trưởng thành tên Lê Minh H, sinh ngày 13/02/1986, hiện có gia đình ở tỉnh Đồng Nai, và Lê Minh L, sinh ngày 01/01/1987 đã có gia đình đang đi làm ở tỉnh Đồng Nai, và Lê Minh Tr, sinh ngày 01/01/1989 đã có gia đình đang đi làm ở tỉnh Đồng Nai, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai người không hợp nhau thường xuyên cự cãi nhau trong cuộc sống, vì t H con nên ông cũng tạo nhiều cơ hội để vợ chồng sống chung nuôi con, ở chung nhà không có ly thân.

Về tài sản chung: do vợ chồng còn sống chung với cha mẹ ruột, nên cha mẹ tôi chưa chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

Nợ chung: không có, và người khác nợ vợ chồng ông cũng không có.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân của ông với bà Xinh không thể hàn gắn lại được, nên ông làm đơn xin được ly hôn bà Trần Thị X, về con chung 03 đứa đã trưởng thành, nên không đặt ra vấn đề nuôi và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, và nợ chung: không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị X trình bày:

Vào năm 1985 do mai mối nên bà với ông Lê Minh T cưới nhau, nhưng không có đi đăng ký kết hôn, sau ngày cưới về sống bên cha mẹ chồng, trong quá trình sống chung bà với ông Tầu có 03 con chung tên Lê Minh H, sinh năm 1986, và Lê Minh L, sinh năm 1987, Lê Minh Tr, sinh năm 1989, hiện nay đã trưởng thành, và đều có gia đình hiện đang sinh sống và làm việc tại tỉnh Đồng Nai. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bà thường xuyên bị bệnh do làm lụng vất vả, và ông Lê Minh T có quan hệ với người đàn bà khác. Trong thời gian sống chung với cha mẹ chồng, khi cha mẹ chết có để lại cho chồng tôi 12 công đất, và vợ chồng có xây 01 căn nhà tường cấp 4 trên đất, và không có thiếu nợ chung của ai.

Tại phiên tòa hôm nay ông Tầu kiên quyết xin ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lê Minh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, nguyên đơn Lê Minh T, bà bị đơn bà Trần Thị X đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, và tại phiên tòa xét xử hôm nay ông Tầu và bà Xinh đều có mặt.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, áp dụng các Điều 19; Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Minh T, ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Tầu với bà Trần Thị X tại phiên tòa, về con chung 03 đứa đã trưởng thành, nên không đặt ra vấn đề nuôi và cấp dưỡng, về tài sản, và nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Lê Minh T và bà Trần Thị X xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1985, tuy không có đăng ký kết hôn, nhưng theo quy định của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 thì vẫn công nhận ông Lê Minh T với bà Trần Thị X là vợ chồng. Trong quá trình sống chung ông Tầu với bà Xinh có 03 con chung tên Lê Minh H, sinh năm 1986,

và Lê Minh L , sinh năm 1987, Lê Minh Tr , sinh năm 1989, hiện nay đã trưởng thành, và đều có gia đình, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai người không hợp nhau, ông Tấu thường xuyên kiểm chuyện chửi bới gây khó khăn với bà Xinh.

Bà Xinh thường xuyên bị bệnh phải lên ở chung với các con, hiện đang sống tại tỉnh Đồng Nai để điều trị bệnh và trong coi cháu nội cho các con bà đi làm, hàng năm đến dịp lễ tết, hay giỗ của ông, bà, thì bà cũng có trở địa p H ấp LS, xã ĐM, huyện CL, tỉnh TV.

Mặt khác, hiện tại ông Lê Minh T cũng có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên tình cảm vợ chồng cũng không còn.

[2] Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Lê Minh T với bà Trần Thị X mâu thuẫn xảy ra ngày càng kéo dài, và hai ông bà không nhường nhịn sống chung để nuôi dạy con cháu, từ đó khả năng ông bà không đoàn tụ được, nên việc ông Lê Minh T làm đơn xin ly hôn với bà Trần Thị X là có căn cứ.

Về con chung 03 đứa con đã trưởng thành, nên không xem xét về vấn đề nuôi và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông Lê Minh T, và bà Trần Thị X khai do sống chung với cha mẹ, nên vợ chồng không có tạo ra tài sản chung, và ông bà cũng không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định; vợ chồng phải có nghĩa vụ t H yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, bà Xinh bệnh thì ông Tấu phải có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng, nhưng ở đây hai người sống với nhau được 03 đứa con chung và đã có cháu nội, cháu ngoại đầy đủ, lẽ ra tuổi của ông bà phải làm gương cho con cháu noi theo, ngược lại ông Tấu còn có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên gây khó khăn với vợ con, dẫn đến ông làm đơn xin ly hôn với bà Trần Thị X .

Tại phiên tòa hôm nay ông Tấu với bà Xinh thuận tình ly hôn, nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp với pháp luật.

Từ các cơ sở phân tích trên, thấy rằng hôn nhân của ông Lê Minh T với bà Trần Thị X, mâu thuẫn trầm trọng, nên không có khả năng hàn gắn đoàn tụ được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy việc ông Lê Minh T xin ly hôn, bà Trần Thị X cũng đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Minh T với bà Trần Thị X là có căn cứ phù hợp pháp luật.

[4]Án phí: Đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông Lê Minh T là người cao tuổi, Hội đồng xét xử có giải thích nhưng ông không làm đơn xin miễn, ông tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0006499, ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL.

Quan điểm của Vị kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 147; và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: các Điều 19; Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Minh T:

Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Lê Minh T, với bà Trần Thị X.

Về con chung: đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: ông Lê Minh T, và bà Trần Thị X, khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Nợ chung: ông Lê Minh T, và bà Trần Thị X, khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: ông Lê Minh T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm ông Tấu đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0006499, ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL. Ông Tấu không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Văn Tâm

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

